

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30 /2026/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 12 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15,
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
43/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ
chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất
đai;*

*Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ về bồi thường, hỗ
trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định
số 151/2025/NĐ-CP, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính
phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện
lực;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số
138/TTr-SNNMT ngày 30 tháng 01 năm 2025;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái
định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường, hỗ
trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 3 năm 2026.
- Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu
lực thi hành:

a) Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 của UBND tỉnh
Quảng Trị (cũ) quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước
thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

b) Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh
Quảng Bình (cũ) quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước
thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND
ngày 20/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình (cũ) sửa đổi khoản 1 Điều 13
quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa

✓

bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: NN&MT, Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Báo và phát thanh, Truyền hình Quảng Trị;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CVNNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
(Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 3 năm 2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nội dung về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 5 Điều 109, khoản 7, khoản 10 Điều 111 của Luật Đất đai năm 2024 (sau đây gọi là Luật Đất đai); khoản 3 Điều 4, khoản 1 Điều 14, Điều 16, điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 17, khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 19, khoản 5, khoản 6 Điều 20, khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 22, khoản 2 Điều 23, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (sau đây gọi là Nghị định 88/2024/NĐ-CP); khoản 3, khoản 4 Điều 16 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; khoản 6 Điều 11 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật Đất đai; khoản 4, điểm c khoản 9, điểm a khoản 11, khoản 12 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật Đất đai (sau đây gọi là Nghị quyết số 254/2025/QH15) và một số quy định cụ thể khác về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; công chức làm công tác địa chính ở cấp xã; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
2. Người có đất thu hồi và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi.
3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Chương II

BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Điều 3. Điều kiện, tỷ lệ quy đổi khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp được bồi thường bằng đất ở hoặc bằng nhà ở để bồi thường cho người có đất thu hồi theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

1. Khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp được bồi thường bằng đất ở phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Địa phương có điều kiện về quỹ đất ở đảm bảo điều kiện giao đất theo quy định của Luật Đất đai và đủ để đáp ứng cho tất cả các đối tượng đủ điều kiện trong cùng một dự án trên cùng địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi.

b) Người có đất bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định, có diện tích các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp bị thu hồi trong một dự án tối thiểu như sau:

Đất nông nghiệp (đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối): 5.000 m²;

Đất nông nghiệp có nguồn gốc là đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở (không tính diện tích đất sử dụng do có hành vi vi phạm và chỉ áp dụng đối với trường hợp thu hồi toàn bộ thửa đất ở có đất nông nghiệp): Trên địa bàn các phường: 500 m²; Trên địa bàn các xã, đặc khu: 1.000 m²;

Đất rừng sản xuất: 20.000 m².

c) Người có đất bị thu hồi có nhu cầu bồi thường bằng đất ở.

2. Tỷ lệ quy đổi được tính như sau:

a) Trường hợp thu hồi đất nông nghiệp (đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối): Được bồi thường bằng đất ở với tỷ lệ bằng 0,06 lần diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi, trong đó người có đất bị thu hồi được quyền lựa chọn diện tích nhỏ hơn tỷ lệ quy đổi và đảm bảo không nhỏ hơn diện tích đất ở tối thiểu được phép tách thửa do UBND tỉnh quy định.

b) Trường hợp thu hồi đất nông nghiệp có nguồn gốc là đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở: Được bồi thường bằng 01 lô đất ở có diện tích theo quy hoạch nhưng không quá hạn mức giao đất ở tại địa phương.

c) Trường hợp thu hồi đất rừng sản xuất: Được bồi thường bằng đất ở với tỷ lệ bằng 0,015 lần diện tích đất rừng sản xuất bị thu hồi, trong đó người có đất bị thu hồi được quyền lựa chọn diện tích nhỏ hơn tỷ lệ quy đổi và đảm bảo không nhỏ hơn diện tích đất ở tối thiểu được phép tách thửa do UBND tỉnh quy định.

3. Trường hợp cấp xã có điều kiện về quỹ nhà ở tái định cư thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho từng dự án cụ thể.

Điều 4. Điều kiện, tỷ lệ quy đổi khi Nhà nước thu hồi đất ở được bồi thường bằng đất thương mại dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp hoặc bằng nhà ở để bồi thường cho người có đất thu hồi theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

1. Khi Nhà nước thu hồi đất ở được bồi thường bằng đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Địa phương có điều kiện về quỹ đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đã hoàn thành giải phóng mặt bằng đảm bảo điều kiện cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai (với hình thức thu tiền thuê đất 1 lần cho cả thời gian thuê), có hạ tầng đã được đầu tư hoàn chỉnh và đủ để đáp ứng cho tất cả các đối tượng đủ điều kiện trong cùng một dự án trên cùng địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi.

b) Người có đất ở bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định, trong đó tổng diện tích đất ở bị thu hồi trong một dự án tối thiểu như sau:

Đất ở của tổ chức kinh tế: 1.000 m²;

Đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài: 500 m².

c) Người có đất ở bị thu hồi có nhu cầu bồi thường bằng đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và thuộc đối tượng, đáp ứng các điều kiện được Nhà nước cho thuê đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo quy định của Luật Đất đai và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Người được bồi thường bằng đất phải cam kết lập dự án đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và triển khai dự án theo đúng tiến độ (nếu có).

2. Tỷ lệ quy đổi được tính như sau:

Được bồi thường bằng đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp với tỷ lệ bằng 1,5 lần diện tích đất ở bị thu hồi.

3. Trường hợp cấp xã có điều kiện về quỹ nhà ở tái định cư thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho từng dự án cụ thể.

Điều 5. Điều kiện, tỷ lệ quy đổi khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được bồi thường bằng đất ở hoặc bằng nhà ở để bồi thường cho người có đất thu hồi theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

1. Khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được bồi thường bằng đất ở phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Địa phương có điều kiện về quỹ đất ở đảm bảo điều kiện giao đất theo quy định của Luật Đất đai và đủ để đáp ứng cho tất cả các đối tượng đủ điều kiện trong cùng một dự án trên cùng địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi.

b) Người sử dụng đất có đất bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định, trong đó tổng diện tích bị thu hồi của mỗi loại đất trong một dự án tối thiểu là 2.000 m² hoặc thu hồi hết toàn bộ diện tích thửa đất.

c) Người có đất bị thu hồi có nhu cầu bồi thường bằng đất ở.

2. Tỷ lệ quy đổi được tính như sau:

Được bồi thường bằng đất ở với tỷ lệ bằng 0,15 lần diện tích đất phi nông nghiệp không phải là đất ở bị thu hồi. Người được bồi thường bằng đất ở được quyền lựa chọn diện tích nhỏ hơn tỷ lệ quy đổi và đảm bảo không nhỏ hơn diện tích đất ở tối thiểu được phép tách thửa do UBND tỉnh quy định.

3. Trường hợp cấp xã có điều kiện về quỹ nhà ở tái định cư thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho từng dự án cụ thể.

Điều 6. Hỗ trợ, bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai, khoản 2 Điều 23 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP, điểm c khoản 1 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP; điểm c khoản 9 Điều 3 Nghị Quyết số 254/2025/QH15

1. Suất tái định cư tối thiểu theo quy định tại khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai và điểm c khoản 1 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

a) Suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở được quy định như sau:

Đối với các phường Đồng Hới, Đồng Thuận, Đồng Sơn: 100 m²;

Đối với các phường Ba Đồn, Bắc Gianh, Nam Đông Hà, Đông Hà, Quảng Trị: 120 m²;

Đối với các xã: Dân Hóa, Minh Hóa, Kim Điền, Tuyên Lâm, Tuyên Sơn, Đồng Lê, Thượng Trạch, Kim Phú, Phong Nha, Trường Sơn, Kim Ngân, Bến Quan, La Lay, Tà Rụt, Đakrông, Ba Lòng, Hướng Hiệp, Hướng Lập, Hướng Phùng, Khe Sanh, Tân Lập, Lao Bảo, Lìa, A Dơi và Tân Thành: 300 m²;

Đối với các xã, đặc khu còn lại: 200 m².

UBND cấp xã tùy tình hình thực tế diện tích đất ở bị thu hồi đất và điều kiện quỹ đất ở hiện có của địa phương để quyết định việc bố trí lô đất tái định cư lớn hơn diện tích suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở đã được quy định tại Điều này. Phần diện tích lớn hơn diện tích suất tái định cư tối thiểu thì người được giao đất tái định cư phải nộp tiền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

b) Suất tái định cư tối thiểu bằng tiền được tính bằng diện tích suất tái định cư tối thiểu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này nhân (x) với giá đất khu tái định cư của dự án được xác định theo bảng giá đất nhân với hệ số điều chỉnh giá đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

c) Suất tái định cư tối thiểu được quy định bằng nhà ở thì diện tích nhà ở tái định cư không nhỏ hơn diện tích căn hộ tối thiểu theo quy định của pháp luật về nhà ở.

2. Mức hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư theo quy định tại khoản 8 Điều 111 của Luật Đất đai mà tự lo chỗ ở (không áp dụng cho các trường hợp tái định cư tại chỗ và trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP) thì ngoài việc được bồi thường về đất bằng tiền còn được nhận thêm khoản tiền hỗ trợ để tự lo chỗ ở. Cụ thể:

a) Hộ gia đình có trên 4 nhân khẩu bị thu hồi đất ở với diện tích lớn hơn hoặc bằng hạn mức giao đất ở theo quy định hiện hành của UBND tỉnh: Hỗ trợ bằng 10% giá trị bồi thường đất ở thu hồi nhưng tối thiểu không thấp hơn 100 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân.

b) Trường hợp không thuộc điểm a Khoản này, hỗ trợ bằng 8% giá trị bồi thường đất ở thu hồi nhưng tối thiểu không thấp hơn 80 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân.

3. Quy định về hỗ trợ giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho các hộ gia đình còn thiếu khi không đủ để giao riêng cho từng hộ gia đình theo quy định tại khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai

Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ hoặc có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng 01 thửa đất ở bị thu hồi mà diện tích đất ở

được bồi thường không đủ để giao riêng cho từng hộ gia đình theo hạn mức giao đất ở của UBND tỉnh thì được xem xét để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở cho các hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện tách thành hộ gia đình riêng chưa có đất ở, nhà ở nơi khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quỹ đất tại địa phương, lập phương án bồi thường bằng đất ở tại khu tái định cư hoặc vị trí khác phù hợp theo quy định, diện tích đất ở giao thêm cho mỗi hộ đủ điều kiện tách thành hộ gia đình riêng không vượt quá hạn mức giao đất ở cho mỗi hộ gia đình, cá nhân do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

4. Quy định việc tổ chức thực hiện bố trí tái định cư trong trường hợp địa điểm bố trí tái định cư ngoài địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi khảo sát, đánh giá nhu cầu, vị trí dự kiến bố trí tái định cư và đánh giá quỹ đất hiện có tại địa bàn. Trường hợp địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi không đủ quỹ đất để bố trí tái định cư thì báo cáo, đề xuất UBND tỉnh quyết định bố trí tái định cư tại địa bàn xã khác.

b) Sau khi thực hiện đầy đủ các bước theo trình tự thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo thẩm quyền, đảm bảo quy định của pháp luật.

UBND cấp xã nơi có đất thu hồi có trách nhiệm chuyển hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt đến UBND xã nơi có đất bố trí tái định cư để hoàn hiện hồ sơ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người được giao đất tái định cư theo quy định.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bố trí tái định cư căn cứ phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt thực hiện các thủ tục giao đất, xác định nghĩa vụ tài chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Điều 7. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP.

1. Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng tại điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định 88/2024/NĐ-CP do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư đánh giá thực tế để xác định, lập phương án trình cơ quan thẩm định thực hiện thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư quyết định. Mức bồi thường không quá 100% giá trị xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình bị thiệt hại.

2. Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật chuyên ngành theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định 88/2024/NĐ-CP thì tùy theo nhà, công trình, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư căn cứ hướng dẫn tại Quyết định quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng của UBND tỉnh để bổ sung thêm hoặc cắt giảm các chi tiết, kết cấu, hạng mục và áp

dụng hệ số điều chỉnh để tính giá công trình tương đương. Trường hợp không thể áp dụng công trình tương đương thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện lập dự toán xây dựng hoặc thuê đơn vị tư vấn có chức năng định giá tài sản để xác định giá và trình UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quyết định, UBND cấp có thẩm quyền giao cơ quan quản lý chuyên ngành trực thuộc thẩm định trước khi phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

3. Trường hợp nhà ở, công trình phục vụ đời sống gắn liền với đất bị phá dỡ một phần, nhưng phần còn lại vẫn bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật có liên quan thì bồi thường bằng giá trị xây mới phần công trình bị phá dỡ và chi phí để sửa chữa, hoàn thiện phần còn lại theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương của nhà, công trình trước khi bị phá dỡ; Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện lập dự toán hoặc thuê tổ chức tư vấn lập dự toán chi phí phá dỡ và chi phí để sửa chữa, hoàn thiện phần còn lại trình cơ quan xây dựng thuộc UBND cấp xã thẩm định, trình Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt chi phí để sửa chữa, hoàn thiện phần còn lại cho từng trường hợp cụ thể.

Điều 8. Bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa nhà ở cho người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu nhà nước và diện tích coi nói trái phép, nhưng được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp theo đơn giá xây dựng mới do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Trường hợp không có trong đơn giá do UBND tỉnh quy định thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập dự toán các hạng mục cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, trình Ủy ban nhân dân xã quyết định

Điều 9. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

Trường hợp các chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh nhưng thực tế đã có đầu tư vào đất thì được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Đối với chi phí san lấp mặt bằng, chi phí gia cố khả năng chịu lực chống rung, sụt lún đất đối với đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh: Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ trì, phối hợp với các phòng chức năng có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra thực địa, tính toán khối lượng theo thực tế và căn cứ vào giá vật tư, vật liệu, biểu phí vận chuyển... do cơ quan có thẩm quyền công bố tại thời điểm quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại trình Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định. Mức bồi thường không vượt quá suất vốn đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật do Bộ Xây dựng công bố của loại công trình tương ứng theo mục đích sử dụng trước khi bị thu hồi đất;

2. Đối với chi phí cải tạo làm tăng độ màu mỡ của đất, thau chua rửa mặn,

chống xói mòn, xâm thực đối với đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp: Được bồi thường bằng tiền, mức bồi thường bằng 20% giá đất cùng loại trong bảng giá đất nhân với hệ số điều chỉnh giá đất tính theo diện tích đất thực tế thu hồi. Mức bồi thường không vượt quá 150.000.000 đồng.

3. Đối với chi phí khác có liên quan đã đầu tư vào đất phù hợp với mục đích sử dụng đất: Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp chủ đầu tư xem xét thực tế báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quyết định bồi thường cho phù hợp nhưng mức bồi thường không vượt quá 150.000.000 đồng.

Điều 10. Bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP và khoản 3, khoản 4 Điều 16 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025

1. Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 18 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP được thực hiện như sau:

a) Đối với dự án xây dựng công trình có hành lang bảo vệ an toàn thuộc trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất (nhà ở, công trình đủ điều kiện tồn tại trong hành lang an toàn của công trình) nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất và đất đủ điều kiện bồi thường nhưng Nhà nước không thu hồi đất thì được bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất. Mức bồi thường bằng 80% giá đất cùng loại trong Bảng giá đất nhân với hệ số điều chỉnh giá đất đối với đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất ở và bằng 40% giá đất cùng loại trong Bảng giá đất nhân với hệ số điều chỉnh giá đất đối với các loại đất khác trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này. Việc bồi thường được thực hiện một lần.

b) Đối với đất trồng cây lâu năm, đất rừng trồng sản xuất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định mà thuộc diện Nhà nước không thu hồi đất thì được bồi thường thiệt hại một (01) lần bằng 100% giá đất cùng loại trong Bảng giá đất nhân với hệ số điều chỉnh giá đất.

2. Bồi thường, hỗ trợ tài sản gắn liền với đất đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025, được thực hiện như sau:

a) Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật đất đai trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không nếu không phải di dời ra khỏi hành lang bảo vệ an toàn theo quy định của pháp luật về điện lực thì chủ sở hữu được bồi thường thiệt hại một (01) lần. Mức bồi thường thiệt hại bằng 80% giá trị phần nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt tính trên diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, theo

đơn giá xây dựng mới của nhà ở, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do UBND tỉnh quy định;

b) Trường hợp nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân được xây dựng trước ngày 01/7/2014 trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không nếu không phải di dời ra khỏi hành lang bảo vệ an toàn theo quy định của pháp luật về điện lực thì chủ sở hữu được xem xét hỗ trợ một (01) lần. Mức hỗ trợ bằng 50% giá trị phần nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt tính trên diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, theo đơn giá xây dựng mới của nhà ở, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do UBND tỉnh quy định.

Điều 11. Hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 19 và khoản 5, khoản 6 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

1. Hỗ trợ ổn định đời sống cho người bị thu hồi đất trong trường hợp thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng như sau:

a) Thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng;

b) Thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 04 tháng;

c) Thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 05 tháng;

d) Trường hợp phải di chuyển chỗ ở, mức hỗ trợ bằng 02 lần mức hỗ trợ quy định tại các điểm a, b, c khoản này.

Diện tích đất nông nghiệp thu hồi để tính hỗ trợ ổn định đời sống quy định tại khoản này là diện tích trong phạm vi xã, phường, đặc khu nơi có đất thu hồi tại thời điểm có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và được xác định theo từng dự án phải thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp xã, không cộng dồn diện tích đất nông nghiệp thu hồi của các dự án thu hồi đất trước đó.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp không đủ điều kiện bồi thường về đất hoặc do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối từ các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và có hợp đồng giao khoán sử dụng đất thì được hỗ trợ như sau:

a) Diện tích đất thu hồi dưới 200 m² thì được hỗ trợ trong thời gian 02 tháng;

b) Diện tích đất thu hồi từ 200 m² đến dưới 500 m² thì được hỗ trợ trong thời gian 04 tháng;

c) Diện tích đất thu hồi từ 500 m² trở lên thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng;

d) Trường hợp phải di chuyển chỗ ở, mức hỗ trợ bằng 02 lần mức hỗ trợ quy định tại các điểm a, b, c khoản này.

3. Trường hợp trong khu vực thu hồi đất để thực hiện dự án phát sinh các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì được hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ ổn định đời sống không thấp hơn mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Việc hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Khoản 6 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ thực hiện theo quy định sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh bao gồm: Hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất, kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp. Được hỗ trợ bằng tiền, mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất nhân với hệ số điều chỉnh giá đất tính theo diện tích đất thực tế thu hồi. Mức hỗ trợ không vượt quá 50.000.000 đồng.

b) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ ổn định sản xuất theo hình thức bằng tiền. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất nhân với hệ số điều chỉnh giá đất tính theo diện tích đất thực tế thu hồi. Mức hỗ trợ không vượt quá 50.000.000 đồng.

c) Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP, khi Nhà nước thu hồi đất mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh bằng tiền, mức hỗ trợ bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

Đối với các trường hợp được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh quy định tại điểm này nhưng không đủ căn cứ để xác định thu nhập sau thuế mà đăng ký nộp thuế khoán hoặc nộp thuế theo phương pháp tỷ lệ phần trăm trên doanh thu thì được hỗ trợ bằng số thuế đã nộp trong 07 tháng liền tiếp liền kề trước thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

d) Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 3 Điều này thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động, thời gian trợ cấp 06 tháng. Hợp đồng lao động được tính hỗ trợ là hợp đồng được ký trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền.

Không áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc cho người lao động được thuê đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh tự phát không có đăng ký kinh doanh.

5. Mức hỗ trợ, thời gian chi trả tiền hỗ trợ: Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này được tính bằng tiền tương

đương 30 kg gạo/01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương; Chỉ trả một lần, tại thời điểm người bị ảnh hưởng nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng.

Điều 12. Hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng kiểm tra hiện trạng, lập biên bản và tự lập hoặc thuê đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân lập dự toán tháo dỡ, phá dỡ, di dời trình cơ quan chuyên môn thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định theo quy định. Mức hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ và chi phí di dời tài sản không vượt quá 50% giá trị xây dựng mới của phần công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình bị thiệt hại.

Điều 13. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và khoản 3 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

1. Khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp (trừ đất nông nghiệp có nguồn gốc là đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở) đối với các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 109 Luật Đất đai thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo hình thức hỗ trợ bằng tiền. Mức hỗ trợ bằng 05 (năm) lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương theo quy định tại Điều 176 Luật Đất đai.

Trường hợp thu hồi đất nông nghiệp có nguồn gốc là đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở đối với các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 109 Luật Đất đai thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo hình thức hỗ trợ bằng tiền. Mức hỗ trợ bằng 0,2 (không phẩy hai) lần giá đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở trong Bảng giá đất đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương theo quy định tại Điều 176 Luật Đất đai. Nếu mức hỗ trợ này thấp hơn mức hỗ trợ bằng 05 (năm) lần giá đất nông nghiệp thì áp dụng mức hỗ trợ bằng 05 (năm) lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất

2. Khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp đối với các đối tượng quy định điểm c, điểm d khoản 1 Điều 109 Luật Đất đai thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo hình thức hỗ trợ bằng tiền. Mức hỗ trợ bằng 0,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương theo quy định tại Điều 176 Luật Đất đai.

Điều 14. Hỗ trợ thuê nhà ở trong thời gian chờ bố trí tái định cư theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP; cơ chế thưởng đối với người có đất bị thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn tại khoản 7 Điều 111; khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ✓

1. Người có đất ở bị thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở để thực hiện dự án mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 trong thời gian chờ bố trí tái định cư thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở, cụ thể như sau:

a) Trường hợp các hộ gia đình được Nhà nước bố trí vào nhà ở tạm thì được hỗ trợ 01 lần với mức hỗ trợ tối đa là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

b) Trường hợp không bố trí vào nhà ở tạm thì được hỗ trợ tiền thuê nhà để tạm cư, mức hỗ trợ thuê nhà mỗi tháng được quy định như sau:

Tại địa bàn phường Đồng Hới, Đồng Thuận, Đồng Sơn, Ba Đồn, Bắc Gianh, Nam Đông Hà, Đông Hà, Quảng Trị, khu vực thị trấn các huyện (cũ): Hộ gia đình có từ 05 khẩu trở lên, mức hỗ trợ là 4.000.000 đồng/tháng/hộ; Hộ gia đình có 04 khẩu trở xuống, mức hỗ trợ là 3.500.000 đồng/tháng/hộ;

Các địa bàn còn lại: 3.000.000 đồng/tháng/hộ.

c) Thời gian tính hỗ trợ thuê nhà:

Thời gian hỗ trợ thuê nhà là 06 tháng. Trường hợp thời gian thực tế chờ tạo lập chỗ ở mới quá 06 tháng, giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thêm thời gian hỗ trợ nhưng không quá 6 tháng.

d) Trường hợp có nhiều hộ gia đình (đã tách hộ khẩu riêng hoặc đủ điều kiện tách hộ) có nhà ở sinh hoạt riêng biệt nhưng đang cùng chung sống trên thửa đất ở bị thu hồi thì được hỗ trợ thuê nhà cho từng hộ gia đình đó.

2. Đối với người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ nhà mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian 6 tháng. Mức hỗ trợ bằng mức theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Trường hợp cấp xã có quỹ đất ở, quỹ nhà ở tái định cư, nhà ở thương mại, nhà ở xã hội thì được xem xét giao 01 lô đất ở có thu tiền sử dụng đất với diện tích không quá hạn mức giao đất ở tại địa phương hoặc bán 01 căn nhà ở đã có sẵn thuộc quỹ nhà ở tái định cư, nhà ở thương mại, nhà ở xã hội của địa phương.

3. Cơ chế thưởng đối với trường hợp người có đất bị thu hồi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng trước thời hạn quy định trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được thưởng với mức như sau:

a) Thưởng 8% (tám phần trăm) trên tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất (không bao gồm giá trị bồi thường đất và các chính sách hỗ trợ về đất), đối với tổng giá trị bồi thường về tài sản nhỏ hơn hoặc bằng 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

b) Thưởng 10% (mười phần trăm) trên tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất (không bao gồm giá trị bồi thường đất và các chính sách hỗ trợ về đất), đối với tổng giá trị bồi thường về tài sản trên 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Nhưng tối đa không quá 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)/đối tượng.

Kinh phí thường được sử dụng bằng nguồn kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các công trình, dự án.

Điều 15. Hỗ trợ khác

Ngoài việc hỗ trợ theo các quy định trên, để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất đối với người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản, UBND tỉnh quy định một số khoản hỗ trợ khác như sau:

1. Ngoài các khoản được bồi thường theo quy định còn được hỗ trợ thêm một khoản tiền, cụ thể như sau:

Mô mã (lăng, mộ) ngai tiền khai khẩn: Hỗ trợ 50.000.000 đồng/mộ (gồm: Mua quan tài, nghi lễ theo phong tục tập quán, rạp che thực hiện nghi lễ, nhạc lễ);

Mô mã (lăng, mộ) ngai đầu họ, mộ ngai đầu phái, mộ ngai đầu chi: Hỗ trợ 25.000.000 đồng/mộ (gồm: Mua quan tài, nghi lễ theo phong tục tập quán, rạp che thực hiện nghi lễ, nhạc lễ);

Hỗ trợ chi phí tâm linh khi di dời mộ mã (không phải mộ ngai tiền khai khẩn, mộ ngai đầu họ, mộ ngai đầu phái, mộ ngai đầu chi) với mức 3.000.000 đồng/chủ thể, đối với trường hợp chủ thể đó bị ảnh hưởng 01 mộ; đối với trường hợp chủ thể có số lượng mộ bị ảnh hưởng từ 02 mộ trở lên, nếu cứ tăng thêm 01 mộ thì được hỗ trợ thêm 800.000 đồng/mộ (gồm lễ vật, cúng bái);

Đối với trường hợp di dời theo phong tục tập quán của người dân tộc thiểu số (rừng ma) thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đề xuất phương án hỗ trợ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

2. Hỗ trợ cấp Giấy chứng nhận hoặc chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở mà không còn chỗ ở nào khác.

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi một phần thửa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc được bố trí đất tái định cư, hoặc được giao đất có thu tiền sử dụng đất được hỗ trợ thực hiện thủ tục cấp mới, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Kinh phí thực hiện thủ tục cấp giấy CNQSD đất theo đơn giá dịch vụ công quy định tại thời phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

b) Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, đặc khu nơi có đất bị thu hồi thì trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới, chờ bố trí tái định cư được hỗ trợ các khoản sau:

Hỗ trợ tiền lắp đặt điện sinh hoạt cho các hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển đến nơi ở mới: 3.000.000 đồng/hộ;

Hỗ trợ tiền lắp đặt điện thoại, mạng internet, mạng cáp tivi cho các hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển đến nơi ở mới: 2.000.000 đồng/hộ (chỉ hỗ trợ cho các hộ đang sử dụng điện thoại, mạng internet, mạng cáp tivi tại nơi bị thu hồi đất);

Hỗ trợ tiền lắp đặt nước sinh hoạt 3.000.000 đồng/hộ; trường hợp đào hoặc khoan giếng (nơi chưa có hệ thống cấp nước sinh hoạt chung) thì hỗ trợ

6.000.000 đồng/hộ, cho các hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển đến nơi ở mới.

Hỗ trợ làm lại thiết kế bản vẽ nhà khi di chuyển đến chỗ ở mới cụ thể như sau:

Giá trị hỗ trợ = 2,92% x Giá trị nhà được bồi thường x 0,88. Trong đó:

Hệ số tỷ lệ 2,92% lấy theo giá trị tại văn bản Công bố định mức chi phí tư vấn đầu tư xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành;

Hệ số 0,88 là tỷ lệ của phần thiết kế trong tổng chi phí tư vấn sau khi đã bỏ phần lập dự toán chiếm 12% giá trị;

Giá trị nhà được bồi thường: Là giá trị căn nhà được xác định theo biên bản kiểm kê và đơn giá bồi thường nhà, công trình theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại thời điểm thu hồi đất.

3. Hỗ trợ đời sống trong thời gian xây dựng lại nhà ở: Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất có nhà trên đất phải giải tỏa và phải làm lại nhà ở được hỗ trợ bằng tiền. Mức hỗ trợ là: 01 nhân khẩu/01 tháng tương đương 30 kg gạo tính theo giá trung bình của địa phương tại thời điểm lập phương án bồi thường với thời gian như sau:

Nếu nhà bị giải tỏa là 01 tầng được hỗ trợ trong 06 tháng;

Nếu nhà bị giải tỏa là từ 02 tầng trở lên được hỗ trợ trong thời gian 09 tháng.

Trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ không quá 12 tháng.

4. Các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp, kể cả trên đất nông nghiệp được giao, cho thuê (bao gồm cả thuê đất công ích) trước thời điểm thông báo chủ trương thu hồi đất (tối đa 12 tháng) mà đang trồng một hoặc nhiều loại cây hàng năm dạng tập trung thì được hỗ trợ bằng giá trị một vụ của loại cây có giá trị cao nhất trên cùng một diện tích. Giá để tính hỗ trợ là giá trung bình của địa phương tại thời điểm lập phương án bồi thường.

5. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi toàn bộ đất ở hoặc bị thu hồi từ 15% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng trở lên, hiện có mức sống thuộc đối tượng hộ nghèo theo tiêu chí rà soát hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ (được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt danh sách hộ nghèo hàng năm và có giấy chứng nhận hộ nghèo của UBND cấp xã) thì được hỗ trợ một lần tính theo nhân khẩu hiện có, mức cụ thể như sau:

a) Hộ nghèo tại các phường: 5.000.000 đồng/khẩu

b) Hộ nghèo tại các xã, đặc khu: 6.000.000 đồng/khẩu

6. Hỗ trợ hộ gia đình có người đang hưởng chế độ trợ cấp chính sách, trợ cấp xã hội của Nhà nước theo xác nhận của cơ quan có thẩm quyền khi phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi đất ở, nhà ở như sau:

a) Hộ gia đình có Người hoạt động cách mạng trước năm 1945; Anh hùng lực lượng vũ trang; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; thân nhân của liệt sỹ đang hưởng trợ

cấp tiền tuất nuôi dưỡng hàng tháng được hỗ trợ: 7.000.000 đồng/chủ sử dụng đất, nhà;

b) Hộ gia đình có Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% đến dưới 81%: được hỗ trợ 6.000.000 đồng/chủ sử dụng đất, nhà;

c) Hộ gia đình có Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 41% đến dưới 61%: được hỗ trợ 5.000.000 đồng/chủ sử dụng đất, nhà;

d) Hộ gia đình có thân nhân của liệt sỹ đang hưởng trợ cấp hàng tháng, người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% đến dưới 41%: được hỗ trợ 4.000.000 đồng/chủ sử dụng đất, nhà;

đ) Hộ gia đình có người đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội (đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên) của Nhà nước: được hỗ trợ 3.000.000 đồng/chủ sử dụng đất, nhà.

Trường hợp trong 01 hộ gia đình có nhiều người thuộc diện được hưởng một trong các mức hỗ trợ trên thì hộ gia đình chỉ được tính hỗ trợ một lần theo mức cao nhất.

7. Khi hộ gia đình, cá nhân sống chủ yếu bằng nghề đánh bắt nuôi trồng thủy, hải sản có đất mặt nước bị thu hồi hoặc hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi hết đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản hoặc phần diện tích còn lại không thể tiếp tục sản xuất dẫn đến các tài sản phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có giá trị từ 500.000 đồng trở lên không thể tiếp tục sử dụng thì được xem xét hỗ trợ bằng tiền. Mức hỗ trợ bằng 50% giá trị tài sản đó đối với các tài sản có giá trị dưới 10.000.000 đồng; bằng 40% giá trị tài sản đó đối với các tài sản có giá trị từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng; bằng 20% giá trị tài sản đó đối với các tài sản có giá trị trên 50.000.000 đồng theo giá thị trường tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Trường hợp các loại tài sản chưa có danh mục trong bộ đơn giá quy định của UBND tỉnh thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khảo sát giá thị trường tại thời điểm xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá trị tài sản và trình Chủ tịch UBND cấp xã quyết định.

8. Hỗ trợ về nhà, công trình xây dựng không hợp pháp; hỗ trợ nhà ở của hộ gia đình, cá nhân nằm ngoài phạm vi giải phóng mặt bằng nhưng quá sát công trình

a) Trường hợp nhà, công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức kinh tế (hợp tác xã) xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định hoặc nhà, công trình xây dựng trên đất được bồi thường về đất nhưng xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất, xây dựng trước 01/7/2014 và quá trình tạo lập công trình không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền thì không được bồi thường nhưng được hỗ trợ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định.

b) Nhà ở, nhà và công trình xây dựng khác được tạo lập, xây dựng trái

quy định kể từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày Nhà nước có thông báo thu hồi đất mà quá trình tạo lập không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền thì được hỗ trợ bằng 10% mức bồi thường theo quy định.

Nhà ở, nhà và công trình xây dựng khác được tạo lập, xây dựng sau ngày Nhà nước có thông báo thu hồi đất thì không được hỗ trợ. Khi Nhà nước thu hồi đất phải tự tháo dỡ, nếu không tự tháo dỡ thì thực hiện cưỡng chế theo quy định.

c) Trường hợp nhà, công trình xây dựng được tạo lập không đúng quy định trước ngày có thông báo thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình hoặc cá nhân quy định tại khoản 6 Điều này, khi bị thu hồi đất ở mà không có chỗ ở, nhà ở nào khác trên địa bàn xã nơi có đất thu hồi thì được hỗ trợ ổn định đời sống (xây dựng lại công trình, nhà ở). Mức hỗ trợ không vượt quá 100% mức bồi thường theo quy định (bao gồm cả phần đã được hỗ trợ quy định tại điểm a và điểm b Khoản này).

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi quyết định biện pháp, mức hỗ trợ khác này để đảm bảo ổn định đời sống, sản xuất đối với người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương đối với từng dự án cụ thể.

d) Khi giải phóng mặt bằng xây dựng các công trình cầu, đường bộ, đường sắt có hành lang bảo vệ an toàn mà nhà ở của hộ gia đình, cá nhân nằm ngoài phạm vi giải phóng mặt bằng nhưng quá sát công trình (cách chân công trình từ 2m trở xuống); nên nhà thấp hơn hoặc cao hơn mặt đường từ 1m trở lên và nhà ở cách chân đường từ 3m trở xuống thì được xem xét hỗ trợ để khắc phục ảnh hưởng. Mức hỗ trợ cụ thể do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chủ đầu tư đề xuất Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

9. Hỗ trợ móng nhà có độ sâu so với cốt mặt đất hiện trạng xung quanh móng nhà bị ảnh hưởng (bao gồm đất đắp trong móng nhà).

Nhà, ngoài việc được bồi thường theo đơn giá quy định còn được hỗ trợ thêm phần móng nhà có độ sâu so với cốt mặt đất hiện trạng xung quanh móng nhà bị ảnh hưởng; nếu kinh phí xây dựng phần móng chiếm khoảng 15%-30% so với kinh phí xây dựng toàn công trình thì mức hỗ trợ được xác định như sau:

Móng nhà có độ sâu so với cốt mặt đất hiện trạng xung quanh móng nhà từ lớn hơn 1,0m đến 2,0m, thì được hỗ trợ bằng 35% so với móng bị ảnh hưởng;

Móng nhà có độ sâu so với cốt mặt đất hiện trạng xung quanh móng nhà từ lớn hơn 2,0 m đến 3,0 m thì được hỗ trợ bằng 85% so với móng bị ảnh hưởng;

Móng nhà có độ sâu so với cốt mặt đất hiện trạng xung quanh móng nhà từ lớn hơn 3,0 m trở lên, thì được hỗ trợ bằng 150% so với móng bị ảnh hưởng.

10. Hỗ trợ tài sản là cây, hoa màu trồng trên đất không đủ điều kiện bồi thường:

Tài sản là cây, hoa màu trồng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất trước thời điểm Thông báo thu hồi đất nhưng tại thời điểm tạo lập không bị lập biên bản xử lý vi phạm hành chính, khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án được hỗ trợ 100% theo đơn giá của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. 

11. Trường hợp nhà tạm, công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân phục vụ sản xuất nông nghiệp trên đất nông nghiệp, kể cả trên đất nông nghiệp được giao, cho thuê (bao gồm cả thuê đất công ích) thì được hỗ trợ bằng giá trị xây dựng mới tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

12. Ngoài việc hỗ trợ theo các quy định trên, tùy theo tính chất của từng dự án, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất đối với người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm báo cáo và đề xuất biện pháp, mức hỗ trợ để Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

1. Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân bị thu hồi đất

a) Có trách nhiệm chấp hành đầy đủ và đúng thời gian về thu hồi đất theo quy định của Nhà nước; bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định;

Trường hợp không thực hiện đúng quy định hoặc có hành vi chống đối, lôi kéo người khác tham gia việc không chấp hành các quy định bồi thường thì bị xử lý theo quy định của pháp luật;

b) Tạo điều kiện thuận lợi và phối hợp với các cơ quan nhà nước, Tổ chức được giao nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trong công tác điều tra, phúc tra, xác minh số liệu làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

c) Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ tài chính theo quy định hiện hành.

2. Chủ đầu tư dự án

a) Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ dự án và bàn giao mốc giới giải phóng mặt bằng cho chính quyền địa phương và Đơn vị làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

b) Phối hợp với Đơn vị làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thu hồi đất xây dựng Kế hoạch thu hồi đất báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt

c) Chủ động phối hợp với Tổ chức được giao nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi để lập, trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tổ chức việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo đầy đủ, kịp thời kinh phí để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và kinh phí cho tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định;

d) Lập, trình cấp có thẩm quyền giao đất để thực hiện dự án theo đúng quy định. Sau khi được bàn giao đất, tiến hành sử dụng đất đúng mục đích, đầu tư đúng tiến độ theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

a) Tổng hợp, xây dựng kế hoạch triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chủ trì lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (theo các mẫu theo Quy định hiện hành) và trình các cơ quan liên quan thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi, các cơ quan có liên quan và người có đất thu hồi thực hiện việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi và gửi hồ sơ đến UBND cấp xã phục vụ công tác xác định nguồn gốc.

c) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi điều tra, xác định, thống kê đầy đủ các thiệt hại thực tế về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; thu nhập từ việc sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thu hồi, nguyện vọng tái định cư, chuyển đổi nghề;

d) Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã gửi Thông báo thu hồi đất đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có), đồng thời niêm yết thông báo thu hồi đất và danh sách người có đất thu hồi trên địa bàn quản lý tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi trong suốt thời gian bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Niêm yết công khai và chuyển quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt kèm phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt cho người bị thu hồi đất.

đ) Tiếp nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi để xử lý theo quy định tại khoản 1 mục XV nội dung C phần V Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi

a) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án; Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc tổ chức thực hiện, tiến độ và kết quả công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án trên địa bàn;

b) Tổ chức thực hiện việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất, giải quyết khiếu nại liên quan đến việc cưỡng chế theo quy định của pháp luật về khiếu nại; bảo đảm điều kiện, phương tiện cần thiết phục vụ cho việc cưỡng chế; bố trí kinh phí cưỡng chế thu hồi đất quy định tại điểm a khoản 5 Điều 89 Luật Đất đai;

c) Tổ chức lập và thực hiện dự án tái định cư quy định tại khoản 6 Điều 91 và khoản 1 Điều 110 Luật Đất đai;

d) Lập và tổ chức thực hiện phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại địa phương; tổ chức lấy ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến của người có đất thu hồi quy định tại điểm c khoản 4 Điều 109 Luật Đất đai;

đ) Phân công nhiệm vụ cụ thể, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các phòng trực thuộc và các cán bộ, công chức để thực hiện; 

e) Phối hợp với Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư gửi Thông báo thu hồi đất đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có), đồng thời niêm yết thông báo thu hồi đất và danh sách người có đất thu hồi trên địa bàn quản lý tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi trong suốt thời gian bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

g) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi chủ trì, phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, các cơ quan có liên quan và người có đất thu hồi xác định nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi;

h) Quyết định biện pháp, mức hỗ trợ khác cho từng dự án cụ thể;

i) Phối hợp với công an cùng cấp và các cơ quan có liên quan để xác định dữ liệu về cư trú và điều kiện tách hộ của hộ gia đình, cá nhân tại nơi thu hồi đất; Chịu trách nhiệm xác nhận tỷ lệ % diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi của hộ gia đình, cá nhân; xác nhận đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

k) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện đúng các quy định trong trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định pháp luật;

l) Giải quyết đơn thư theo thẩm quyền phát sinh trong công tác bồi thường, GPMB và phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết các đơn thư về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn cấp xã.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn thực hiện quy định này và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các vướng mắc về đất đai; bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi thuộc thẩm quyền.

b) Đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức giao đất, cấp giấy chứng nhận cho các đối tượng đủ điều kiện tại khu tái định cư;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn các thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng theo quy định đối với tổ chức phải di chuyển đến địa điểm mới do bị thu hồi đất;

6. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn thủ tục xử lý, thanh lý tài sản công bao gồm công trình xây dựng khác, công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tài sản khác;

b) Tham mưu cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương cho công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư trong tổng mức đầu tư dự án được duyệt theo quy định.

c) Phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn giải quyết: Chính sách hỗ trợ khác, xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại, công tác tái định cư và các nội dung vướng mắc thuộc trách nhiệm, thẩm quyền.

7. Sở Xây dựng

a) Chủ trì xây dựng đơn giá và hướng dẫn thực hiện bồi thường, hỗ trợ đối với tài sản trên đất là nhà, tài sản, công trình, vật kiến trúc; bồi thường, hỗ trợ chi phí đào, bốc, xây dựng mồ mả; phối hợp các cơ quan liên quan hướng dẫn

giải quyết các chính sách hỗ trợ khác đối với nhà, công trình (khi có đề nghị) và các chính sách có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của ngành;

b) Hướng dẫn UBND cấp xã tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn, xây dựng các khu tái định cư, các khu dân cư để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho các đối tượng theo quy định hiện hành (khi có đề nghị); Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp xã xử lý các nội dung vướng mắc về công tác tái định cư theo chức năng, nhiệm vụ của ngành (quy hoạch khu tái định cư, quy hoạch phân lô các lô đất ở tái định cư, quy hoạch khu giao đất ở mới...).

8. Sở Công thương

Phối hợp với các Sở, ngành liên quan giải quyết vướng mắc liên quan đến công tác bồi thường giải phóng mặt bằng các công trình điện, các dự án thủy điện.

9. Thuế tỉnh Quảng Trị

Cung cấp thông tin để cơ quan có thẩm quyền có cơ sở xác định lợi nhuận sau thuế của tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hộ, cá nhân kinh doanh phải ngừng sản xuất kinh doanh do bị thu hồi đất để làm cơ sở tính mức hỗ trợ ổn định sản xuất; Phối hợp các cơ quan liên quan, tổ chức được giao nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, xác định và cung cấp các khoản nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

10. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan hướng dẫn, giải quyết các khó khăn, vướng mắc về tìm kiếm việc làm cho người trong độ tuổi lao động có đất nông nghiệp bị thu hồi.

11. Công an phường, xã, đặc khu:

Cử cán bộ địa bàn thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình, an ninh trật tự tại địa bàn nơi có đất thu hồi; xác nhận dữ liệu về cư trú và điều kiện tách hộ gia đình, cá nhân tại nơi thu hồi đất khi có yêu cầu của Tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; phối hợp với Tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giữ an ninh, trật tự tại nơi chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi có yêu cầu; xây dựng kế hoạch bảo vệ trật tự, an toàn trong quá trình tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất

12. Tổ chức, cá nhân tham gia công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Có trách nhiệm chấp hành đúng các chế độ chính sách, trình tự, thủ tục quy định của Nhà nước trong công tác bồi thường hỗ trợ và tái định cư.

Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quy định có hiệu lực thi hành nhưng chưa thực hiện thì tiếp tục thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt; việc xử lý chi trả bồi thường chậm được thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm Nhà nước ban hành quyết định thu hồi đất.

2. Đối với trường hợp đã có Quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước

có thẩm quyền thì thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quy định này.

3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thì áp dụng theo quy định mới.

Trong quá trình thực hiện, nếu gặp vướng mắc đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết theo quy định./. ✓